| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THỚI LAI**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 61/2023/ DS – ST
Ngày: 08 – 6 - 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Hoài Tuyên**
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông **Lý Hồng Hạnh**
2. Ông **Nguyễn Văn Đen**

*- Thư ký Tòa án – Ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tiên**
*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên toà:*
Ông **Nguyễn Minh Khang**

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLST- DS ngày 07 tháng 02 năm 2023, về : "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2023/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Trung H, xã Trường X, huyện T, thành phố C.

**Bị đơn**: Bà **Huỳnh Thị Bé M**, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Trung H, xã Trường X, huyện T, thành phố C.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:

Bà **Phạm Thị Mỹ L**, sinh năm 1965 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp Trường N, xã Trường X, huyện T, thành phố C.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn C yêu cầu bà Huỳnh Thị Bé M có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn C (nguyên đơn) trình bày: Ông không nhớ rõ vào thời gian nào nhưng trước ngày 17/11/2019 âm lịch ông có đưa cho bà Phạm Thị Mỹ L nhiều lần (6 lần) số tiền 50.000.000 đồng để bà L cho bà Huỳnh Thị Bé M vay với lãi suất 1%/ tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả. Từ khi đưa tiền đến trước khi bà M làm biên nhận thì bà M có gửi bà L đóng lãi cho ông được 1,5 triệu đồng. Sau khi bà M làm biên nhận với ông thì bà M có gửi bà L đóng lãi cho ông được 3,5 triệu đồng tiền Việt Nam. Đến ngày 17/11/2019 âm lịch bà M làm biên nhận nợ với số tiền 50.000.000 đồng tại nhà bà L, hiện biên nhận nợ số tiền 50.000.000 đồng bản

chính do bà L giữ, sau khi hòa giải tại Toà án thì bà L đã giao lại cho ông để nộp cho Toà án. Từ khi làm biên nhận ông và bà M cũng thỏa thuận miệng là lãi suất 1%/ tháng và không thỏa thuận thời hạn trả. Nay ông yêu cầu bà Huỳnh Thị Bé M có trách nhiệm trả 50.000.000 đồng vốn theo biên nhận nợ và tiền lãi là 10.000.000 đồng. Ông đưa tiền bà L cho bà M vay, sau đó bà M làm biên nhận nợ cho ông chứ ông không trực tiếp giao tiền mặt cho bà M, khi bà L nhận tiền từ ông cũng không biết bà L cho ai vay. Từ khi làm biên nhận tháng 11 năm 2019 âm lịch thì ông không có đòi hay tranh chấp mà do bà Phạm Thị Mỹ L đòi và liên hệ với bà M. Lý do vì sao trước đây bà L là người giữ bản chính biên nhận nợ của mà M là do bà M trước đây có vay của bà L 100.000.000 đồng viết biên nhận phía trên tờ giấy tập học sinh, do đó ông nhờ bà L cho bà M viết chung biên nhận trong cùng một tờ giấy để cho tiện. Vì viết chung tờ giấy nên bà L giữ biên nhận. Sau đó, bà L kiện bà M đòi số tiền 100.000.000 đồng nên bà L cắt tờ biên nhận ra làm hai phần, phần 100.000.000 đồng trong kiện vụ khác và đưa lại cho ông phần biên nhận này để cung cấp cho Tòa án. Ông không có đưa tiền cho bà M vay mà ông đưa tiền cho bà L đưa cho bà M vay. Khi cho vay thì bà L là người nhận tiền và bà L nói bà M vay để đóng lãi phần tiền 100.000.000 đồng. Phần tiền 100.000.000 đồng đã được giải quyết bằng quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự. Từ khi bà M làm biên nhận nợ thì bà L đã đã gửi đóng lãi cho ông 2 lần bằng 5.000.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị Bé M (bị đơn) trình bày: Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Bà xác định không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Bà không có vay tiền của ông C 50.000.000 đồng. Số tiền 50 triệu đồng này là do bà có vay của bà Phạm Thị Mỹ L 100.000.000 đồng với lãi suất 6%/tháng; Bà L tính tiền lãi 50.000.000 đồng và cho rằng vay của ông C 50 triệu đồng để đóng khoản tiền lãi này. Bà không có nhận trực tiếp tiền mặt từ ông C hay bà L. Phần tiền bà vay của bà L 100 triệu đồng đang được Tòa án nhân dân huyện Thới Lai thụ lý giải quyết. Bản tính lãi viết tay 50.000.000 đồng do bà L viết thì bà đang giữ và cung cấp cho Tòa án. Bà thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ ghi hỏi của ông Nguyễn Văn C 50.000.000 đồng nhưng bà không nhận được tiền mặt do ông C cũng như bà L giao cho bà nên bà không đồng ý trả số tiền vốn 50 triệu đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng cho phía nguyên đơn.

Bà Phạm Thị Mỹ L (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án) trình bày: Bà có cho bà M vay 100 triệu đồng tiền Việt Nam lãi suất 3%/tháng, do bà M không có tiền đóng lãi và còn nợ bà 11 tháng tiền lãi với số tiền 33.000.000 đồng và bà M có nợ vay mượn của ông C trước đó và nợ lãi mỗi tháng 1,5 triệu với thời gian 11 tháng là 16.500.000 đồng nên ngày 17/11/2019 âm lịch bà kêu bà M làm biên nhận có hỏi của ông Nguyễn Văn C 50.000.000 đồng tại nhà của bà. Nay bà yêu cầu bà Huỳnh Thị Bé M có trách nhiệm trả cho ông C 50 triệu đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng theo yêu cầu của ông C mà bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Đối với khoản nợ 100.000.000 đồng và tiền lãi bà đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai thụ lý giải quyết bằng quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Bà trình bày thêm đối với khoản lãi 33 triệu đồng của khoản tiền gốc 100.000.000 đồng và khoản tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng thì bà đã tính và bỏ cho bà M không tính nữa. Sau đó bà M làm biên nhận nợ hỏi tiền của ông C và tính lãi theo quy định của pháp luật. Số tiền 50 triệu bà nhận từ ông C

thì bà đưa cho bà M 6 lần: Lần 1 (đưa 5 triệu đóng lãi do bà nhận 3 triệu, bà đưa tiền mặt cho bà M 2 triệu; việc đóng lãi, đưa tiền mặt không làm biên nhận); Lần 2 (đưa 5 triệu đóng lãi do bà nhận 3 triệu, bà đưa tiền mặt cho bà M 2 triệu; việc đóng lãi, đưa tiền mặt không làm biên nhận); Lần 3 (đưa 10 triệu đóng lãi do bà nhận 2 tháng 6 triệu, bà đưa tiền mặt cho bà M 4 triệu; việc đóng lãi, đưa tiền mặt không làm biên nhận); Lần 4 (đưa 10 triệu đóng lãi 3 tháng do bà nhận 9 triệu, bà đưa tiền mặt cho bà M 1 triệu; việc đóng lãi, đưa tiền mặt không làm biên nhận); Lần 5 (đưa 10 triệu đóng lãi do bà nhận 6 triệu, bà đưa tiền mặt cho bà M 4 triệu; việc đóng lãi, đưa tiền mặt không làm biên nhận); Lần 6 (đưa 10 triệu đóng lãi do bà nhận 6 triệu, bà đưa tiền mặt cho bà M 4 triệu; việc đóng lãi, đưa tiền mặt không làm biên nhận). Việc nhận tiền và lãi đến ngày 17/11/2019. Thời điểm bà cho bà M vay không có làm biên nhận hay giấy tờ gì. Những lần đưa tiền này bà có làm biên nhận do ông C giữ nhưng từ khi bà M làm biên nhận nhận nợ ông C thì ông C đã xé bỏ biên nhận nợ với bà. Phần tiền bà nhận 6 lần tiền lãi là 33 triệu đồng thì bà nhận lãi của phần tiền vốn 100.000.000 đồng. Bà cho bà M vay 100.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng. Thời điểm vay 17/01/2018 âm lịch, bà chỉ cho vay 3%/tháng. Thời điểm ngày 17/11/2019 âm lịch bà Huỳnh Thị Bé M làm biên nhận thì có giáp mặt giữa bà M, ông C và bà M thống nhất nợ với ông C 50.000.000 đồng nên đồng ý ký tên.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận (kèm theo bài phát biểu của Kiểm sát viên).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Bé M có trách nhiệm trả 50.000.000 đồng vốn gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi. Bà Huỳnh Thị Bé M không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông C và cho rằng không có nhận tiền vay từ ông Nguyễn Văn C mà là số tiền lãi của bà L tính trên số tiền vốn 100.000.000 đồng với lãi suất 6%/ tháng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Nguyễn Văn C cũng thừa nhận không trực tiếp cho bà M vay tiền mà giao đưa tiền cho bà Phạm Thị Mỹ L cho vay. Tuy nhiên, bà L cũng không phải cho mà M vay tiền mà tính tiền lãi của phần vay 100.000.000 đồng của mà M. Ông C đưa tiền cho bà L cũng không biết bà L cho ai vay và số tiền cho vay từng lần là bao nhiêu. Bà L cho rằng đưa bà M 6 lần tiền mặt trong đó có giữ lại số tiền bà M phải đóng lãi và bà L giữ lại trong 6 lần là 33.000.000; Xét trong số tiền 50.000.000 đồng mà bà M viết biên nhận nợ ông C thì ông C không có trực tiếp giao tiền cho bà M; bà L thì ngoài số tiền lãi tính 6 lần tổng cộng 33.000.000 đồng giữ lại cho bà thì bà cho rằng có đưa tiền mặt cho bà M 17.000.000 đồng thì bà M không thừa nhận có nhận số tiền này và bà L không cung

cấp được chứng cứ chứng minh. Bà L khi giao tiền cũng như cấn trừ giữ lại tiền nợ lãi trong số tiền mà ông C đưa bà L thì ông C không biết. Do đó, không có việc vay tiền 50.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị Bé M từ ông C. Hợp đồng vay tài sản theo biên nhận nợ ngày 17/11/2019 giữa bà Huỳnh Thị Bé M và ông Nguyễn Văn C bị vô hiệu do giả tạo. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C yêu cầu bà Huỳnh Thị Bé M trả lại 50.000.000 tiền vốn và 10.000.000 đồng tiền lãi là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đối với số tiền mà ông Nguyễn Văn C đưa cho bà L để cho vay thì dành cho ông C một vụ kiện dân sự khác đối với bà Phạm Thị Mỹ L. Phần tiền 100.000.000 đồng đã được giải quyết bằng quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự. Theo đó, bà M có trách nhiệm trả cho bà L 100.000.000 đồng tiền vốn và 20.000.000 đồng tiền lãi. Cần dành cho bà Phạm Thị Mỹ L một vụ kiện dân sự khác đối với số tiền lãi mà bà Huỳnh Thị Bé M còn thiếu chưa trả.

[4] Về án phí: Cần buộc ông Nguyễn Văn C chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 166, 463 và Điều 124 của Bộ Luật Dân sự;

Điều 26, 91, 92 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên bố: Hợp đồng vay tài sản theo biên nhận nợ ngày 17/11/2019 giữa bà Huỳnh Thị Bé M với ông Nguyễn Văn C bị vô hiệu do giả tạo.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Bé M có trách nhiệm trả 50.000.000 đồng tiền vốn và 10.000.000 đồng tiền lãi.

Dành cho ông Nguyễn Văn C một vụ kiện dân sự khác đối với bà Phạm Thị Mỹ L.

Dành cho bà Phạm Thị Mỹ L một vụ kiện dân sự khác đối với số tiền lãi mà bà Huỳnh Thị Bé M còn thiếu chưa trả.

Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn C chịu nộp 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005966 ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành tiền án phí. Buộc ông Nguyễn Văn C còn phải nộp tiếp 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành*

*án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận**:*
- TAND thành phố Cần Thơ*;*
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục T.H.A DS huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hoài Tuyên**